

Bản án số: 45/2023/DS-PT

Ngày: 31-7-2023

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Trang

Ông Hàng Lâm Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Tấn N, sinh năm: 1957;

Địa chỉ: Số X đường M, thôn H, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông NĐD1, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số Y thôn C1, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông NBV - Luật

sư Văn phòng luật sư I chi nhánh Đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn*: Ông Từ Công Q, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Thôn C, xã Th, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông NĐD2, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Số Z đường G, phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số Z1 đường U, phường S, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà NLQ1, sinh năm: 1961;

Địa chỉ: Số X đường M, thôn H, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện hợp pháp của bà NLQ1: Ông NĐD1, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số Y thôn C1, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Bà NLQ2, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: Thôn N, xã Th, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Thôn O, xã Th, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3.3. NLQ3.

Đại diện theo pháp luật: Ông NĐD3 - Phó Giám đốc phụ trách.

Địa chỉ: Số U đường V, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện theo ủy quyền: Ông NĐD4 - Trại trưởng Trại thủy nông S.

Địa chỉ: Số U1 đường L, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

4. *Người làm chứng*:

4.1. Bà NLC1, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Số nhà Q1, tổ dân phố L2, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4.2. Ông NLC2, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4.3. Bà NLC3, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số Q2 đường V, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

5. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Huỳnh Tấn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ1.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa, ông NĐD2 vắng mặt. Riêng người làm chứng, Tòa án không triệu tập đến tham gia phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Tấn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn bà NLQ1 cùng trình bày:

Khoảng năm 1982, vợ chồng ông có khai hoang một thửa đất ruộng diện tích khoảng 20.000m² tọa lạc tại lòng hồ Thành Sơn thuộc thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Nay thửa đất trên thuộc thôn Y, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Thuận).

Vị trí thửa đất:

- Đông giáp đất rẫy hộ ông Sử Khắc T.
- Tây giáp đất rẫy ông Trần Ngọc S.
- Nam giáp đường mòn.
- Bắc giáp hồ Thành Sơn.

Sau khi canh tác đến năm 1987, do thiếu nước nên vợ chồng ông chuyển đến huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng sinh sống, lập nghiệp và nhờ cha mẹ vợ là ông Trần Ngọc S và bà Nguyễn Thị D trông coi giúp thửa đất này. Ông Trần Ngọc S chết năm 2018, bà Nguyễn Thị D chết năm 2014. Sau khi ông S, bà D chết thì không ai trông coi thửa đất này nữa.

Tháng 10/2019, vợ chồng ông đến xã C để xin làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát hiện ông Từ Công Q (sinh năm 1970; địa chỉ: thôn C, xã Th, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận) đã lấn chiếm, san ủi và canh tác trên toàn bộ thửa đất trên của vợ chồng ông.

Nay, ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K buộc ông Từ Công Q phải trả lại toàn bộ thửa đất trên cho vợ chồng ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N xác nhận những nội dung sau:

- Diện tích đất 22.667,9m² theo trích lục bản đồ của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh K (BL 107) là diện tích đất mà vợ chồng ông khai hoang và tranh chấp với ông Q.

- Khi vợ chồng ông nhờ ông S, bà D trông coi đất dùm thì không làm giấy tờ gì, không người làm chứng. Phần diện tích đất vợ chồng ông khai hoang không có

ranh rào riêng biệt, không trồng cây lâu năm, không xây dựng công trình gì trên đất, ông cũng không đăng ký tên trong sổ mục kê hay sổ địa chính của Ủy ban nhân dân xã.

- Từ khi gửi đất cho ông S, bà D trông coi giúp cho đến năm 2019 thì hàng năm vợ chồng ông có về thăm ông S, bà D, tuy nhiên vợ chồng ông không ra thăm đất. Vợ chồng ông và các anh chị em bên vợ sống hòa thuận, không mâu thuẫn gì.

Tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Từ Công Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn bà NLQ2 cùng trình bày:

Ông và bà NLQ2 trước đây là vợ chồng.

Nguồn gốc thửa đất diện tích khoảng 20.000m² đang tranh chấp với ông Huỳnh Tấn N là do ông, bà nhận chuyển nhượng của ông Trần Ngọc S, bà Nguyễn Thị D ở thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận vào năm 2009 (nhận chuyển nhượng bằng giấy viết tay).

Tứ cận của diện tích chuyển nhượng cụ thể như sau:

- Đông giáp đất ông Sử Khắc Th.
- Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Tr.
- Nam giáp đất ông Sử Khắc Th.
- Bắc giáp hồ Thành Sơn.

Sau khi nhận chuyển nhượng, ông, bà đã tiến hành san ủi, cải tạo đất để sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi đào ao, làm ruộng, trồng dừa...

Quá trình sử dụng ổn định, không ai có ý kiến gì và mãi đến cuối năm 2019, ông Huỳnh Tấn N và bà NLQ1 đến tự nhận thửa đất trên là của ông N, bà NLQ1, đồng thời khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện K, yêu cầu ông phải trả lại thửa đất trên.

Ông Q, bà NLQ2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N, vì thửa đất trên có nguồn gốc là do ông mua lại của ông Trần Ngọc S và bà Nguyễn Thị D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q trình bày bổ sung:

Sở dĩ trong hồ sơ có 03 hợp đồng chuyển nhượng giữa ông và vợ chồng ông S, bà D là do khi ông làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đã đất nhận chuyển nhượng của ông S, bà D thì được biết theo quy

định của pháp luật cần phải có chữ ký của các con ông S, bà D nên ông cùng với vợ chồng ông S, bà D tiến hành làm lại hợp đồng để các con ông S, bà D ký xác nhận.

Số tiền chuyển nhượng 190.000.000 đồng ông là người trực tiếp giao cho ông S, bà D, tuy nhiên hai bên không làm giấy tờ giao nhận về số tiền này.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty NLQ3 trình bày:

Công ty NLQ3 là đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận giao nhiệm vụ quản lý và vận hành hồ chứa nước Thành Sơn.

Để phục vụ cho việc quản lý an toàn hồ chứa nước Thành Sơn, năm 2010 Công ty NLQ3 tổ chức cắm mốc chỉ giới đường viền hồ Thành Sơn theo Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 26/5/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận; diện tích vùng phạm vi cắm mốc bảo vệ đường viền hồ Thành Sơn là 215,66 ha. Sau khi hoàn thành, công ty NLQ3 đã bàn giao hồ sơ và các mốc trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi hồ chứa nước Thành Sơn đến địa phương (là Ủy ban nhân dân xã C, huyện K) để phối hợp quản lý theo quy định. Trong giai đoạn thực hiện dự án cắm mốc chỉ giới đường viền hồ Thành Sơn năm 2010, do nguồn kinh phí có hạn nên Công ty không thu hồi và bồi thường phần đất của người dân nằm dưới mốc chỉ giới đường viền lòng hồ.

Vị trí đất tranh chấp giữa ông Huỳnh Tấn N và ông Từ Công Q nằm phía dưới đường tránh ngập lòng hồ Thành Sơn, vị trí này Công ty NLQ3 chưa thực hiện thu hồi, bồi thường. Tuy nhiên, phần đất đang tranh chấp nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi lòng hồ chứa nước Thành Sơn và do Công ty NLQ3 quản lý. Nhằm tạo điều kiện cho người dân cải thiện kinh tế, tăng thêm thu nhập, Công ty chấp thuận việc người dân sản xuất nông nghiệp, trồng những cây ngắn ngày trong mùa khô, người dân không được có hoạt động xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc lòng hồ Thành Sơn nếu chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp phép hoạt động. Trước yêu cầu khởi kiện của ông N, ông đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm e khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 157; Điều 165; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 100 của Luật đất đai năm 2013; Điều 147 và Điều 165 của Bộ

luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn N về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Từ Công Q phải trả lại thửa đất diện tích 22.667,9m² tọa lạc tại thôn Y, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Thuận.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc, định giá tài sản, quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 31/3/2023, ông Huỳnh Tấn N và bà NLQ1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện K, yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N trình bày quan điểm:

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện K do Tòa án nhân dân huyện K đã có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng cũng như về nội dung, cụ thể: Cấp sơ thẩm đã không tiến hành đối chất khi có lời khai mâu thuẫn giữa các con của ông S, bà D; không đưa những người con của ông S, bà D vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan mà lại xác định là người làm chứng trong vụ án. Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn buộc ông N, bà NLQ1 phải chịu án phí cũng như nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm khi bà NLQ1, ông N là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí là trái với quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông N, bà NLQ1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Tấn N không rút đơn khởi kiện. Ông N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ1 không rút hoặc thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đơn kháng cáo của ông N, bà NLQ1 còn trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét, giải quyết.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của ông N, bà NLQ1, thấy:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N, bà NLQ1, ông Q, bà NLQ2 thống nhất xác định phần diện tích đất 22.667,9m² theo Trích lục bản đồ địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh K (BL 107) là phần diện tích đất mà các bên tranh chấp.

[3.2] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì phần diện tích đất 22.667,9m² này nằm trong quy hoạch hồ Thành Sơn của huyện K theo Quyết định số 4690/QĐ-UBND ngày 09/11/2007 của UBND tỉnh Ninh Thuận và hiện do Công ty NLQ3 quản lý.

[3.3] Trong quá trình giải quyết từ cấp sơ thẩm đến phúc thẩm, ông N không đưa ra được bất cứ chứng cứ nào để chứng minh diện tích đất 22.667,9m² là của vợ chồng ông, cũng như không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông đã giao diện tích đất này cho cha mẹ vợ ông là ông S, bà D trông coi hộ khi vợ chồng ông chuyển lên Đ - Lâm Đồng sinh sống. Tại cấp sơ thẩm, ông N đưa ra một số lời khai của người làm chứng như ông/bà NLC1, NLQ2, NLQ3, tuy nhiên những người này đều không biết cụ thể về việc canh tác và khai hoang đất của vợ chồng ông. Bản thân ông N cũng thừa nhận phần diện tích đất ông khai hoang không có ranh rào riêng biệt; sau khi khai hoang, vợ chồng ông chỉ canh tác được 7-8 năm thì không canh tác nữa, trên đất cũng không có bất cứ tài sản nào như cây lâu năm hay công trình, vật kiến trúc của vợ chồng ông; quá trình sử dụng đất, ông cũng không tiến hành việc đăng ký kê khai và hiện chưa được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này. Như vậy, có cơ sở xác định ông N, bà NLQ1 không có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 22.667,9m², do đó, yêu cầu khởi kiện của ông N là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.4] Đối với ý kiến của luật sư nguyên đơn cho rằng quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không tiến hành đối chất để làm rõ mâu thuẫn trong các hợp đồng chuyển nhượng đất do ông Q xuất trình, không đưa các con ông S, bà D vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xét thấy: Do phạm vi khởi kiện mà ông N yêu cầu Tòa án giải quyết là đòi lại quyền sử dụng diện tích đất 22.667,9m² nên trước tiên ông N, bà NLQ1 cần phải chứng minh ông/bà có quyền sử dụng đất hợp pháp của đối với diện tích đất này thì Tòa án mới có cơ sở xem xét đến các hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông S, bà D với ông Q được cho là đối tượng xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông/bà, cũng như có cơ sở để xác định tư cách tham gia tố tụng của các con ông S, bà D, tuy nhiên ông N, bà NLQ1 đã không đưa ra được chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của mình đối với diện tích 22.667,9m² nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không tiến hành đối chất giữa các đương sự về các tình tiết trong hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông S, bà D với ông Q cũng như chỉ đưa các con ông S, bà D vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng là phù hợp với quy định tại các điều 5, 6, 68 và 77 Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặt khác, tại bản án sơ thẩm cũng chỉ tuyên xử về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N mà không có nội dung công nhận hiệu lực của các hợp đồng chuyển nhượng hay công nhận quyền sử dụng đất cho ông Q, vì vậy, ý kiến của luật sư nguyên đơn cũng như của ông N, bà NLQ1 cho rằng Hội đồng xét xử sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với phần án phí: Do ông N, bà NLQ1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và yêu cầu ông N, bà NLQ1 nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là không đúng với quy định của pháp luật, vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về vấn đề này.

Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông N, bà NLQ1; chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông N không được chấp nhận nên ông N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên ông N là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, vì vậy miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông N. Hoàn trả cho ông N 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0022165 ngày 21/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông N, bà NLQ1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông N, bà NLQ1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông N 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000019 ngày 06/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Hoàn trả cho bà NLQ1 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000018 ngày 06/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 01/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Thuận.

Áp dụng: khoản 9 Điều 26, các điều 147, 148, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 100 của Luật đất đai năm 2013; các điều 12, 26, 27 và 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn N về việc yêu cầu ông Từ Công Q trả lại diện tích đất 22.667,9m² tọa lạc tại thôn Y, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Thuận được xác định theo Trích lục bản đồ địa của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh K.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Tấn N phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.800.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm nghìn đồng*). Ông N đã nộp đủ số tiền này.

3. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Huỳnh Tấn N. Hoàn trả cho ông Huỳnh Tấn N 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0022165 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Thuận.

Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Huỳnh Tấn N và bà NLQ1. Hoàn trả cho ông N, bà NLQ1 mỗi người 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000018 và số 0000019 cùng ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Thuận.

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 31/7/2023).

Nơi nhận:

- Dương sự (5);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện K (1);
- Chi cục THADS huyện K (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Diệu